

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Ông Trần Việt Bắc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân huyện Cát Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 2000; nơi cư trú: **Tổ dân phố F, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng**; có mặt

- *Bị đơn:* Anh **Trần Việt H**, sinh năm 1989; nơi thường trú: **Số G tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng**; chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị **Bùi Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị L** và anh **Trần Việt H** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2018 tại **UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng**. Trong quá trình chung sống, đến tháng 10/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **H** chơi bời sa vào cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Bản thân chị **L** và hai bên gia đình đã khuyên can nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2022 hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị **L** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H**. Về con chung: Chị **L** và anh **H** có 01 con chung là **Trần Trường P**, sinh ngày 06/02/2019, hiện đang do anh **H** nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa chị **L** trình bày do cháu **P** là con trai, cháu đích tôn của gia đình anh **H**, bản thân bố mẹ anh **H** và anh **H** rất quý con, quý cháu nên chị đề nghị giao con cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị **L** nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo Thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn anh **Trần Việt H** đến Tòa án để giải quyết vụ án, triệu tập đến tham gia phiên tòa, anh **H** đã nhận các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có bản tự khai thể hiện ý kiến của anh **H** đối với yêu cầu khởi kiện của chị **L**.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương nơi sinh sống của các đương sự, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung phù hợp với lời tự khai của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của bà **Trần Thúy M**, sinh năm 1955 là mẹ đẻ, sống cùng nhà với anh **Trần Việt H**, thể hiện từ tháng 02/2023 chị **L** và anh **H** đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau; về con chung bà **M** đề nghị sau khi ly hôn Tòa án giao con cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị **Bùi Thị L** và anh **Trần Việt H** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2018 tại **UBND**

thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng đến nay có 01 con chung. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ cuối năm 2022 qua đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; xử cho chị **Bùi Thị L** được ly hôn anh **Trần Việt H**. Về con chung, xử: Giao con chung là **Trần Trường P**, sinh ngày 06/02/2019 cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **L** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị **L** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị **Bùi Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận, ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Chị **Bùi Thị L** khởi kiện xin ly hôn anh **Trần Việt H** là tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Anh **H** cư trú tại địa bàn **huyện C, thành phố Hải Phòng** nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn, anh **Trần Việt H** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng quá trình giải quyết vụ án anh **H** không tham gia tố tụng và vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, qua đó cho thấy anh **H** đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **H** theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị L** và anh **Trần Việt H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2018 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đến cuối năm 2022, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về thực trạng hôn nhân giữa chị **Bùi Thị L** và anh **Trần Việt H** tại nơi cư trú thể hiện: Vợ chồng phát sinh mâu

thuần do bất đồng về quan điểm sống, cách sống; gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị **Bùi Thị L** được ly hôn anh **Trần Việt H** là phù hợp.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Trường P**, sinh ngày 06/02/2019. Kể từ sau khi vợ chồng ly thân, con chung do anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị **L** đề nghị giao con cho anh **H** tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Anh **H** trong quá trình giải quyết vụ án không đưa ra quan điểm về việc nuôi con nhưng chị **L** thừa nhận anh **H** rất quý con và cháu **P** được ông bà nội quan tâm chăm sóc nên chị đồng ý để anh **H** trực tiếp nuôi con chung; căn cứ các điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho anh **H** trực tiếp nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Bùi Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 c của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Bùi Thị L** và anh **Trần Việt H**.
2. Về con chung: Giao con chung là **Trần Trường P**, sinh ngày 06/02/2019 cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không

trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị L** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước; chị **L** đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009900 ngày 06 tháng 11 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị L** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh **Trần Việt H** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải
(Đăng ký kết hôn ngày 12/9/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng